TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

Bà Nguyễn Thị Sương

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Bình

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc: "Ly hôn"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 75/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thùy T (Nguyễn Thị Kiều O), sinh năm: 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn H, sinh năm: 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Chị Nguyễn Thị Thùy T (Nguyễn Thị Kiều O) trình bày: Năm 1994 qua quen biết nên chị và anh H có tiến đến hôn nhân, có làm lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm,

thường xuyên cãi nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Chị và anh H ly thân từ năm 2013 đến nay. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị yêu cầu:

+ Về hôn nhân: Chị yêu cầu ly hôn với anh H

+ Về con chung: Có 05 (năm) người con chung tên Huỳnh Văn H1, sinh ngày 07/02/1994; Huỳnh Thị Bé L, sinh ngày 11/12/1996; Huỳnh Văn H, sinh ngày 15/5/1999; Huỳnh Văn Đ, sinh ngày 15/5/1999; Huỳnh Thị M, sinh ngày 30/4/2000. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu khác.

- Anh Huỳnh Văn H trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Anh có ý kiến như sau:

+ Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị T

+ Về con chung: Có 05 (năm) người con chung tên Huỳnh Văn H1, sinh ngày 07/02/1994; Huỳnh Thị Bé L, sinh ngày 11/12/1996; Huỳnh Văn H2, sinh ngày 15/5/1999; Huỳnh Văn Đ, sinh ngày 15/5/1999; Huỳnh Thị M, sinh ngày 30/4/2000. Hiện nay con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra không có yêu cầu khác.

Tại phiên tòa,

- Chị Nguyễn Thị Thùy T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có ý kiến bổ sung.

- Anh Huỳnh Văn H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không có ý kiến bổ sung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Vào năm 1994 qua quen biết chị T và anh H có tiến đến hôn nhân, có làm lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống vợ chồng của chị T và anh H kéo dài đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Chị T và anh H ly thân từ năm 2013 đến nay không hàn gắn được. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

Anh H thống nhất với lời trình bày của chị T. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị T.

Xét thấy, Chị T và anh H có tiến đến hôn nhân, có làm lễ cưới vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay Chị T và anh H yêu cầu Ly hôn với nhau.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của chị T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H.

[3] Về con chung: Chị T và anh H có năm người con chung tên Huỳnh Văn H1, sinh ngày 07/02/1994; Huỳnh Thị Bé L, sinh ngày 11/12/1996; Huỳnh Văn H2, sinh ngày 15/5/1999; Huỳnh Văn Đ, sinh ngày 15/5/1999; Huỳnh Thị M, sinh ngày 30/4/2000. Hiện nay con chung đã trưởng thành chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy T (Nguyễn Thị Kiều O)

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Thùy T (Nguyễn Thị Kiều O) và anh Huỳnh Văn H

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thùy T (Nguyễn Thị Kiều O) và anh Huỳnh Văn H có năm người con chung tên Huỳnh Văn H1, sinh ngày 07/02/1994; Huỳnh Thị Bé L, sinh ngày 11/12/1996; Huỳnh Văn H2, sinh ngày 15/5/1999; Huỳnh Văn Đ, sinh ngày 15/5/1999; Huỳnh Thị M, sinh ngày 30/4/2000. Hiện nay con chung đã trưởng thành chị Nguyễn Thị Thùy T (Nguyễn Thị Kiều O) và anh Huỳnh Văn H không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thùy T (Nguyễn Thị Kiều O) và anh Huỳnh Văn H không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Thùy T (Nguyễn Thị Kiều O) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010155 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Chị Nguyễn Thị Thùy T (Nguyễn Thị Kiều O) đã nộp xong.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 01b;
- VKSND huyện Tam Bình: 02b;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01b;
- UBND xã B: 01b;
- Đương sự: 02b;
- Lưu: 04b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Út